

BÁO CÁO

Tình hình và kết quả triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 và giải pháp thực hiện năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ theo quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH11 ngày 26/11/2013, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 06/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên;

Thực hiện Văn bản số 311/BTC-TTr ngày 10/01/2023, Văn bản số 1699/BTC-TTr ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính, UBND tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) năm 2022 và một số nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện năm 2023 kèm theo Bảng tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên năm 2022 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức THTK, CLP

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP

Căn cứ Kết luận số 12-KL/TW ngày 06/4/2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Quyết định số 2262/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP năm 2022, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương tiếp tục đẩy mạnh phổ biến, quán triệt tinh thần THTK, CLP thông qua hình thức tổ chức hội nghị, lồng ghép trong các buổi học tập Nghị quyết của Trung ương, đưa nội dung THTK, CLP vào tiêu chí đánh giá, xếp loại cuối năm... từ đó, có tác dụng nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, ngăn chặn hành vi lãng phí. Cùng với việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về THTK, CLP, các cơ quan Đảng, mặt trận, hội, đoàn thể và chính quyền địa phương các cấp đã kịp thời có nhiều hình thức nêu gương, khen thưởng các cá nhân, tổ chức, đơn vị có thành tích tốt trong hoạt động THTK, CLP; đồng thời, phê phán cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm, gây lãng phí.

Nhìn chung, công tác triển khai, quán triệt Luật THTK, CLP trên địa bàn tỉnh thực hiện đầy đủ theo chỉ đạo của Chính phủ.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP

Trên cơ sở Chương trình tổng thể về THTK, CLP năm 2022 của Chính phủ, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 về Chương trình THTK, CLP năm 2022 trên địa bàn tỉnh với những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể để thực hiện Chương trình như: Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội để khôi phục và phát triển kinh tế, phấn đấu thực hiện cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã được HĐND tỉnh đề ra để góp phần đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm địa phương (GRDP) tăng khoảng 6,0-6,5%, quy mô GRDP bình quân đầu người đạt 66,34 triệu đồng/người/năm. Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 1.350 triệu USD. Thực hiện quyết liệt các giải pháp chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, thu hồi nợ thuế; kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển lên khoảng 28-29% tổng chi ngân sách nhà nước.

Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hiện chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng, khả năng triển khai thực hiện trong phạm vi nguồn ngân sách nhà nước được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành. Tăng cường quản lý vốn đầu tư công; quyết liệt đẩy mạnh giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công gắn với sử dụng vốn đầu tư công có hiệu quả để góp phần thúc đẩy xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cần thiết nhằm nâng cao sức cạnh tranh, hỗ trợ các hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp, thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội khác.

Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường để ứng phó với biến đổi khí hậu. Kiểm soát, quản lý chặt chẽ việc thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản, đảm bảo nguyên tắc hoạt động khoáng sản theo quy định tại Luật Khoáng sản, phù hợp với thực tế quy mô và hiệu quả đầu tư.

Để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu về THTK, CLP, UBND tỉnh quyết liệt chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, tuân thủ dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân các cấp quyết định; thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, mua sắm tài sản, quản lý chi đầu tư...đảm bảo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP

Trong năm 2022, UBND tỉnh và lãnh đạo các ngành, địa phương đã chỉ đạo tiến hành 73 cuộc thanh tra hành chính tại 132 đơn vị và 2.231 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành tại 4.678 lượt tổ chức và cá nhân. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện vi phạm về kinh tế 16,310 tỷ đồng; xử lý thu hồi về cho Nhà nước 14,108 tỷ đồng; kiến nghị xử lý khác 2,202 tỷ đồng; kiến nghị kiểm điểm, xử lý hành chính 38 tập thể và 34 cá nhân. Trong đó, Thanh tra các sở, ngành ban hành 858 quyết định xử phạt vi phạm hành chính của 858 tổ chức, cá nhân với số tiền 4,413 tỷ đồng. Riêng Thanh tra tỉnh đã tiến hành 12 cuộc tại 57 đơn vị, tăng 03 cuộc so với cùng kỳ năm 2021, phát hiện vi phạm về kinh tế, xử lý thu hồi về cho Nhà nước 8,002 tỷ đồng; kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm các tập thể cá nhân có liên quan.

Qua công tác thanh tra, kiểm tra, về cơ bản, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước. Đồng thời, cũng đã phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật nhiều vụ việc vi phạm, kiến nghị chấn chỉnh, khắc phục những sơ hở, thiếu sót trong việc tổ chức triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật tại các cơ quan, đơn vị được thanh tra, góp phần tăng cường kỷ cương, pháp luật, chủ động phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội được thanh tra.

II. Tình hình, kết quả THTK, CLP năm 2022

1. Kết quả thực hiện

a) Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Trong năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành theo thẩm quyền 45 văn bản chỉ đạo điều hành và 35 văn bản quy phạm pháp luật quy định mới, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách, định mức trong từng ngành, lĩnh vực liên quan đến việc THTK, CLP (*Phụ lục 01 gửi kèm*) tạo cơ sở cho việc thực hiện, giám sát, đánh giá kết quả triển khai chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí của Nhà nước.

Các văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được dự thảo và lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan, có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và ban hành đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tiết kiệm ngay từ khâu xây dựng và hiệu quả khi áp dụng.

b) Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh về phân bổ và giao dự toán NSNN năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4950/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 về việc ban hành một số chỉ tiêu và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022. Dự toán được xây dựng và giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo đúng quy định của Luật NSNN trên cơ sở bám sát các mục tiêu,

nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với khả năng ngân sách và nhiệm vụ, hoạt động trọng tâm của từng cơ quan, đơn vị, đảm bảo đúng nguyên tắc, tiêu chuẩn, định mức theo quy định, tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí trong việc sử dụng ngân sách nhà nước.

Ngay từ khâu giao dự toán đầu năm, địa phương đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên là 155,095 tỷ đồng, trong đó: ngân sách tỉnh 83,137 tỷ đồng, ngân sách huyện 71,958 tỷ đồng. Ngoài ra, kết quả tiết kiệm trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên dự toán ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh là 96,908 tỷ đồng, trong đó, tiết kiệm chi quản lý hành chính 42,185 tỷ đồng, tăng 2,3% so với cùng kỳ và vượt 1,7% so với kế hoạch, tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ tài chính năm 2022 của các đơn vị là 54,723 tỷ đồng.

Trong việc điều hành ngân sách địa phương, UBND tỉnh đã thực hiện theo hướng tăng tỷ trọng trong chi đầu tư phát triển và có tính chất đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, theo đó, tỷ trọng chi đầu tư phát triển đã đạt 48,7% và chi thường xuyên đạt 49,7% đảm bảo theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2022 về Chiến lược tài chính đến năm 2030 và UBND tỉnh tại Quyết định số 1739/QĐ-UBND ngày 01/06/2022 về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2030 địa bàn tỉnh Bình Định (giai đoạn 2021-2025, trong tổng chi ngân sách địa phương, tỷ trọng chi đầu tư phát triển bình quân khoảng 28%, chi thường xuyên bình quân khoảng 62%).

Đồng thời, bên cạnh việc đảm bảo kinh phí để thực hiện đầy đủ các chính sách của địa phương được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí ngân sách tỉnh để đảm bảo kịp thời chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong những tháng đầu năm 2022 với số tiền là 171 tỷ đồng.

Ngoài ra, thực hiện các Nghị định của Chính phủ¹ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, năm 2022, UBND tỉnh đã phê duyệt phương án tự chủ cho 90 đơn vị khối tỉnh tăng 66 đơn vị so với thực hiện năm 2021 (trong đó: 07 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 11 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; 54 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 18 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên). Đối với các đơn vị khối huyện hiện tại đã phê duyệt phương án tự chủ cho 532/532 đơn vị. Số tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi giao quyền tự chủ cho các đơn vị là 54,723 tỷ đồng.

Đối với Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hiện tại địa phương có 16 Quỹ hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau, cơ bản phù hợp theo các quy định hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương. Việc quản lý và sử dụng nguồn vốn của các quỹ được các cơ quan chức năng đánh giá là hiệu quả, góp phần giảm nghèo, tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho người dân (như Quỹ Xóa đói giảm nghèo, Quỹ Hỗ trợ nông dân...).

¹ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 15/8/2021.

Nhìn chung, trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước năm 2022, UBND tỉnh đã điều hành, sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả và chống lãng phí.

c) Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

- Việc mua sắm tài sản:

Về định mức, tiêu chuẩn mua sắm tài sản được thực hiện theo các quy định của nhà nước².

Kết quả Thực hiện mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung năm 2022: thực hiện đấu thầu 8 gói thầu với tổng giá trị dự toán được duyệt là 41,88 tỷ đồng, tổng giá trị trúng thầu là 37,78 tỷ đồng, tiết kiệm cho ngân sách nhà nước 4,1 tỷ đồng.

Về quản lý và sử dụng tài sản công: Tài sản công trên địa bàn tỉnh được phân cấp quản lý và sử dụng theo đúng quy định, đúng mục đích, tiết kiệm, chống lãng phí và có hiệu quả, đảm bảo phục vụ tốt cho công tác chuyên môn; không sử dụng vào mục đích cá nhân; được bảo trì, bảo dưỡng và kiểm kê định kỳ. Bên cạnh đó, căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, năm 2022 địa phương đã thực hiện bán 5 ngôi nhà với số tiền nộp vào ngân sách tỉnh là 59,554 tỷ đồng. Đồng thời, trong công tác sắp xếp lại, xử lý xe ô tô: đến 31/10/2022 toàn tỉnh đã sắp xếp, xử lý 80 xe ô tô, còn 02 xe ô tô dôi dư phục vụ công tác chung.

- Việc quản lý và sử dụng tài sản công:

Trên cơ sở các quy định của trung ương, UBND tỉnh đã ban hành các quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh³; theo đó, tài sản công được phân cấp quản lý và sử dụng theo đúng quy định, đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả, đảm bảo phục vụ tốt cho công tác chuyên môn; không sử

² Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Quyết định 06/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định; Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định; Quyết định 53/2019/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định; Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định 01/2021/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định 67/2021/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 63/2022/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh bổ sung một số điều của Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định

³ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh về quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Bình Định, Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018

dụng vào mục đích cá nhân; được bảo trì, bảo dưỡng và kiểm kê định kỳ hằng năm.

Nhìn chung, công tác mua sắm, quản lý sử dụng tài sản công trong năm 2022 của địa phương đã thực hiện theo đúng các quy định của nhà nước, tiết kiệm, hiệu quả góp phần chống lãng phí cho ngân sách nhà nước trong lĩnh vực này.

d) Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng

- Về đầu tư xây dựng:

Việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công của địa phương đảm bảo theo đúng nguyên tắc, tiêu chí quy định của Luật Đầu tư công; trong đó, ưu tiên bố trí cho các dự án hoàn thành chuyển tiếp đã bố trí trong kế hoạch 2021, sau đó mới bố trí cho các dự án khởi công mới. Đồng thời, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chủ đầu tư tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn của Trung ương về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản. Thực hiện đúng quy định trong công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng, phù hợp với quy hoạch, đúng trình tự lập, thẩm tra, thẩm định phê duyệt các dự án, phê duyệt kế hoạch đầu tư, đấu thầu đảm bảo quy định. Ngoài ra, chỉ đạo các cơ quan chức năng thường xuyên thực hiện kiểm tra, rà soát đối với các danh mục dự án đầu tư, kịp thời phát hiện và xử lý đối với các dự án đầu tư không hiệu quả, chưa cân đối đủ nguồn vốn, không đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định về quản lý đầu tư xây dựng. Thực hiện điều chuyển nguồn vốn đầu tư của các đơn vị, địa phương nếu dự án chậm triển khai hoặc chậm tiến độ cho các dự án, đơn vị, địa phương khác có tiến độ giải ngân tốt, thiếu vốn. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng, đảm bảo chất lượng công trình. Kịp thời phát hiện, ngăn ngừa, xử phạt vi phạm nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công. Đẩy mạnh phân cấp trong công tác phê duyệt dự án cho cấp huyện, nâng cao trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ đầu tư. Trên cơ sở đó, kết quả giải ngân vốn đầu tư công của địa phương đến ngày 31/01/2023 là 10.046 tỷ đồng, đạt 85,76%.

- Đối với công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: đến ngày 30/10/2022 UBND tỉnh đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành cho 141 dự án với tổng giá trị là 3.801 tỷ đồng, giá trị bình quân thẩm tra, phê duyệt quyết toán là 26,96 tỷ đồng/1 công trình. Tổng số kinh phí tiết kiệm cho ngân sách nhà nước là 7,06 tỷ đồng (quyết toán giảm so với chủ đầu tư đề nghị).

Nhìn chung, công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng của địa phương được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Trung ương với tinh thần hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí.

- Việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, UBND tỉnh đã ban hành các quyết định⁴ phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý cho 3.285 cơ sở nhà, đất (chiếm khoảng 98% tổng số cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh phải thực hiện sắp xếp, xử lý). Trong đó: giữ lại tiếp tục sử dụng 3.110 cơ sở nhà, đất, thu hồi 37 cơ sở nhà, đất, điều chuyển 50 cơ sở nhà, đất, chuyển giao về cấp huyện quản lý, xử lý 66 cơ sở nhà, đất, bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất 22 cơ sở nhà, đất. Kết quả tới thời điểm hiện nay, UBND tỉnh đã thực hiện bán đấu giá thành công 19 ngôi nhà thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công với tổng số tiền nộp ngân sách tỉnh 212,604 tỷ đồng (trong đó, năm 2022 bán 5 ngôi nhà với số tiền nộp vào ngân sách tỉnh là 59,554 tỷ đồng).

đ) Trong quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên

Trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất luôn đảm bảo nguyên tắc “sử dụng đất tiết kiệm và có hiệu quả”; đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng do Chính phủ phân bổ; công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật và nhu cầu sử dụng của dự án. Bên cạnh đó, đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn xây dựng kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất của các doanh nghiệp được nhà nước giao, cho thuê, tránh hiện tượng lãng phí trong sử dụng đất. Qua công tác kiểm tra của cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ, năm 2022 trên địa bàn tỉnh chưa xảy ra tình trạng lãng phí trong lĩnh vực đất đai. Trên cơ sở đó, số thu tiền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước đến hết năm 2022 là 6.595 tỷ đồng, vượt 64,87% kế hoạch năm; thực hiện thẩm định và cho thuê đất thu khoảng 491,916 tỷ đồng, đạt 86,76% dự toán HĐND tỉnh giao.

Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản: Trong năm 2022, địa phương đã cấp Giấy phép hoạt động khoáng sản tuân thủ theo quy hoạch, không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo đúng quy định của Luật Khoáng sản, tiết kiệm và chống lãng phí trong lĩnh vực này. Đối tượng được cấp phép là tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành nghề khai thác khoáng sản theo Điều 51 Luật Khoáng sản. Đồng thời, việc cấp phép khai thác khoáng sản thực hiện thông qua hình thức đấu giá. Riêng đối với mỏ khoáng sản phục vụ các công trình hạ tầng có vốn ngân sách Nhà nước thuộc tiêu chí khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Khoản 2 Điều 78 Luật Khoáng sản được cấp trực tiếp cho nhà thầu thi công trên cơ sở thời gian và khối lượng thi công công trình. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã cấp 22 Giấy phép thăm dò khoáng sản; 14 Giấy phép khai thác khoáng sản

⁴ Quyết định: số 4787/QĐ-UBND ngày 28/12/2018, số 5018/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, số 555/QĐ-UBND ngày 24/02/2020, số 1307/QĐ-UBND ngày 21/4/2022, số 3266/QĐ-UBND ngày 06/10/2022.

các loại; 18 Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản; 15 Giấy phép gia hạn khai thác khoáng sản; 01 Quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản; 01 giấy xác nhận khai thác khoáng sản trong khu vực có đầu tư xây dựng công trình; 01 Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản và 01 Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; ban hành 04 quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Số thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2022 là 53,499 tỷ đồng.

Trong công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng: UBND tỉnh đã tích cực tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng, trong đó có rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển, rừng đặc dụng, thực hiện nghiêm việc đóng cửa rừng tự nhiên và các quy định về bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. Đến nay, độ che phủ rừng của tỉnh đạt 56,9%.

Nhìn chung, năm 2022 công tác quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên của địa phương được thực hiện theo các quy định.

e) Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với việc thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, thực hiện xã hội hoá, giảm chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước. Kết quả về xây dựng vị trí việc làm tới thời điểm hiện nay có 22/22 cơ quan hành chính (gồm 20 sở, ngành và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh) và 11/11 huyện, thị xã, thành phố đã phê duyệt đề án vị trí việc làm theo quy định.

Trong năm 2022, đã thực hiện giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo các Nghị định của Chính phủ số: 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018, 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 là 72 người (trong đó: công chức cấp huyện, tỉnh: 11 người, viên chức: 17 người, công chức xã: 44) với kinh phí chi trả là 10,978 tỷ đồng; số giảm chi ngân sách nhà nước sau khi thực hiện chính sách tinh giản biên chế là 19,534 tỷ đồng/năm.

Về kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC): đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt phương án đơn giản hóa thành phần hồ sơ, cắt giảm thời gian giải quyết (giảm từ 01 đến 20 ngày) đối với 170 TTHC của 18 sở, ngành, cắt giảm thời gian giải quyết từ 32 ngày xuống 25 ngày đối với TTHC trên lĩnh vực đầu tư với số tiền tiết kiệm 4,519 tỷ đồng/năm. Thành lập Tổ công tác xúc tiến và hỗ trợ đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh nhằm kịp thời đề xuất tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các nhà đầu tư, tăng cường thu hút đầu tư tại chỗ và đầu tư mới vào tỉnh và đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư biểu dương.

Thực hiện kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2022, Tổ kiểm tra công vụ do Sở Nội vụ chủ trì đã tiến hành 03 đợt thanh tra, kiểm tra và kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại 54 cơ quan, đơn vị, địa phương. Qua công tác Thanh tra, kiểm tra, đa phần các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt việc chấp hành kỷ luật giờ giấc làm việc, nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

g) Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại các doanh nghiệp

Các doanh nghiệp có vốn nhà nước tại địa phương đã triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động về THTK, CLP của tỉnh đề ra. 05/05 doanh nghiệp nhà nước đều xây dựng Quy chế quản lý tài chính được UBND tỉnh phê duyệt, ban hành theo đúng quy định. Ngoài ra, qua kết quả giám sát tài chính năm 2021 và 06 tháng đầu năm 2022 của doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh đều an toàn về tài chính và không có dự án đầu tư kém hiệu quả, không có khả năng phục hồi.

Trong công tác cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước: theo Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021-2025; trên địa bàn tỉnh còn 02 doanh nghiệp phải tiếp tục thực hiện thoái vốn, gồm: Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định (BMC) và Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định.

Hiện tại, địa phương đã có Công văn số 5419/UBND-TH ngày 31/8/2021, số 4776/UBND-TH ngày 18/8/2022 báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, theo đó đề xuất cho phép địa phương thoái toàn bộ vốn của 02 doanh nghiệp này trong giai đoạn 2021-2025 (thời gian hoàn thành dự kiến 2024-2025). Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, địa phương sẽ triển khai thực hiện kế hoạch theo đúng quy định.

h) Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân

Năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid-19 đã dần được kiểm soát trong phạm vi cả nước, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống và sinh hoạt của người dân trở lại trạng thái bình thường. Hoạt động tiêu dùng của người dân đã có nhiều dấu hiệu khởi sắc tích cực. Các doanh nghiệp đã đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ động hơn trong khâu nhập khẩu nguồn nguyên liệu sản xuất và tiêu thụ hàng hóa; có nhiều dự án đầu tư mới, mở rộng, đặc biệt là các dự án công nghiệp chế biến chế tạo, cùng với nhiều giải pháp để hỗ trợ sản xuất kinh doanh nên sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh có mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ.

2. Đánh giá chung

Việc triển khai, thực hiện quyết liệt, hiệu quả quy định của Luật THTK, CLP; các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Chương trình về THTK, CLP năm 2022 của UBND tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực trên các lĩnh vực, góp phần quan

trọng cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển KTXH, cơ bản đạt được mục tiêu tổng quát và nhiều chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu đã đề ra.

Việc đẩy mạnh tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập đã giúp các đơn vị chủ động trong việc sử dụng biên chế, tài sản và kinh phí một cách hợp lý, tăng cường khai thác nguồn thu, thu đúng, thu đủ để đảm bảo yêu cầu hoạt động của đơn vị, phát triển và mở rộng các hoạt động dịch vụ ngày càng đa dạng và phong phú hơn, nâng cao được chất lượng dịch vụ, đầu tư thêm cơ sở vật chất; tạo được những chuyển biến tích cực trong quản lý tài chính, ngân sách ở các cơ quan, đơn vị và tạo ra cơ chế khuyến khích các cơ quan, đơn vị chi tiêu có hiệu quả, hướng đến kết quả đầu ra, tiết kiệm ngân sách.

Việc thực hiện mua sắm tài sản tập trung đã phát huy được nhiều ưu điểm đáng kể, giảm thời gian, chi phí, đầu mỗi tổ chức đấu thầu, việc đấu thầu rộng rãi đã lựa chọn được các nhà cung cấp tốt nhất, với chất lượng sản phẩm tối ưu, giá bán hợp lý, dịch vụ bảo hành bảo đảm, góp phần tăng hiệu quả về kinh tế và tiết kiệm cho ngân sách nhà nước.

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc THTK, CLP vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định như:

- Một số đơn vị còn thiếu quan tâm đến việc chỉ đạo thực hiện THTK, CLP tại đơn vị mình và chưa thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo; chất lượng báo cáo còn thấp, chưa làm rõ nguyên nhân, chưa nhận diện hết được lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý để từ đó đề ra biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi kịp thời.

- Phong trào thi đua THTK, CLP chưa được khơi dậy mạnh mẽ và chưa thiết thực, những tấm gương điển hình về THTK, CLP chưa được phát hiện, tuyên truyền và nhân rộng.

- Việc mua sắm tập trung hiện nay đã đi vào nề nếp nhưng vẫn còn tồn tại một số khó khăn nhất định như: dự toán mua sắm đã được giao, phân bổ ngay từ đầu năm nhưng một số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực sự chủ động trong việc rà soát dự toán để đăng ký nhu cầu mua sắm tập trung, thời gian gửi đăng ký mua sắm tập trung kéo dài đến cuối năm dẫn đến khó khăn trong việc tổng hợp, tổ chức đấu thầu để cung cấp hàng hóa kịp thời cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Nguyên nhân

- Công tác THTK, CLP có lúc, có nơi còn hình thức; chống lãng phí chưa được xác định là khâu trọng tâm, then chốt để có giải pháp quyết liệt nên hiệu quả phòng, chống lãng phí chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Công tác cải cách hành chính đã được đẩy mạnh nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, tổ chức bộ máy hành chính nhà nước vẫn chưa tinh gọn, nhận thức về

THTK, CLP của một bộ phận cán bộ, công chức người dân và doanh nghiệp còn hạn chế, ...

III. Nhiệm vụ chủ yếu, giải pháp thực hiện năm 2023

1. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền Luật THTK, CLP, gắn với cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

2. Căn cứ Chương trình tổng thể của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương về THTK, CLP năm 2023 và Chương trình THTK, CLP năm 2023 của UBND tỉnh, các cấp, cơ quan, đơn vị chủ động ban hành Kế hoạch THTK, CLP với các nội dung, chỉ tiêu cụ thể.

3. Tổ chức điều hành dự toán NSNN chủ động, chặt chẽ, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật tài chính, ngân sách.

4. Nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc sử dụng ngân sách nhà nước, đảm bảo chi đúng đối tượng, đúng chế độ, tiết kiệm và có hiệu quả, đồng thời thực hiện tốt công tác công khai việc sử dụng ngân sách, mua sắm, sử dụng tài sản công theo quy định.

5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình THTK, CLP năm 2023; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về THTK, CLP và việc thực hiện Chương trình THTK, CLP trong phạm vi quản lý.

6. Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra trong quá trình đầu tư công, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án để thúc đẩy giải ngân vốn. Xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí trong đầu tư công.

7. Đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa quản lý, gắn kết THTK, CLP với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trong THTK, CLP.

UBND tỉnh kính báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện Luật THTK, CLP năm 2022 và một số giải pháp thực hiện năm 2023, kèm theo Bảng tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên năm 2022 theo quy định tại Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính./. 

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thanh tra Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, K17. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Tự Công Hoàng

**DANH MỤC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TIẾT KIỆM,
CHỐNG LÃNG PHÍ VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC,
CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH NĂM 2022**
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

TT	Số văn bản	Ngày, tháng	Trích yếu
I	VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH LIÊN QUAN ĐẾN THTK, CLP TRÊN CÁC LĨNH VỰC		
1	206/BC-UBND	2/12/2021	Kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh Bình Định năm 2021 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2022
2	529/UBND-KSTT	27/01/2022	Thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ liên quan đến công tác cải cách hành chính được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong năm 2022
3	327/QĐ-UBND	26/01/2022	Ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022
4	02/CT-UBND	22/02/2022	Phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022
5	26/BC-UBND	25/02/2022	Thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 - 2021 của tỉnh Bình Định
6	964/UBND-TH	28/02/2022	Tăng cường hoạt động thẩm định giá của nhà nước trên địa bàn tỉnh
7	1012/UBND-VX	02/3/2022	Đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022
8	776/QĐ-UBND	12/3/2022	Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Bình Định
9	777/QĐ-UBND	12/3/2022	Ban hành Khung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định
10	1292/UBND-KT	15/03/2022	Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh
11	38/BCĐ-UBND	18/03/2022	Tăng cường công tác quản lý thị trường, bình ổn giá xăng dầu và các mặt hàng phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19
12	40/BC-UBND	18/03/2022	Công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định Quý I năm 2022
13	41/BC-UBND	18/03/2022	Kết quả sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2015 - 2021; việc giảm biên chế giáo viên, nhân viên y tế giai đoạn 2015 - 2021; nhu cầu biên chế giáo viên và nhân viên y tế giai đoạn 2022 - 2026 của tỉnh Bình Định
14	42/BC-UBND	21/03/2022	Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và một số nhiệm vụ đã triển khai thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh
15	1468/UBND-KT	23/03/2022	Sửa đổi, bổ sung Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh
16	42/BCĐ-UBND	24/03/2022	Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh Bình Định
17	1574/UBND-KT	28/03/2022	Bổ sung mặt hàng đá xây dựng, cát xây dựng vào danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh
18	1598/UBND-VX	29/03/2022	Tăng cường phối hợp quản lý hoạt động quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe trên địa bàn tỉnh
19	36/KH-UBND	30/03/2022	Triển khai Chương trình thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2021- 2026 trên địa bàn tỉnh
20	2298/UBND-KT	29/4/2022	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và triển khai các dự án nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh
21	74/KH-UBND	17/05/2022	Cải thiện, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh (Chỉ số PCI) đến năm 2025
22	2891/UBND-VX	27/05/2022	Tăng cường quản lý hoạt động du lịch
23	96/BC-UBND	20/06/2022	Công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định 6 tháng đầu năm 2022
24	97/BC-UBND	21/06/2022	Tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định
25	113/BC-UBND	12/7/2022	Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2022

TT	Số văn bản	Ngày, tháng	Trích yếu
26	114/BC-UBND	12/7/2022	Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, tình hình kinh- xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022
27	4312/UBND-TH	29/7/2022	Thực hiện công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh
28	4412/UBND-KT	04/8/2022	Tăng cường các biện pháp quản lý giá trên địa bàn tỉnh
29	4673/UBND-KT	15/8/2022	Rà soát công tác sắp xếp lại, xử lý tài sản công
30	4677/UBND-KT	15/8/2022	Một số nội dung nhằm tăng cường công tác quản lý khoáng sản trên địa bàn thành phố Quy Nhơn
31	5042/UBND-NC	30/08/2022	Nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, định mức công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập
32	5415/UBND-TH	19/9/2022	Triển khai công tác bảo vệ và phát triển rừng năm 2022
33	148/BC-UBND	20/09/2022	Công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định Quý III năm 2022
34	5541/UBND-KT	27/09/2022	Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát về phòng cháy chữa cháy đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ
35	5528/UBND-VX	27/09/2022	Chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động trong công tác đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh
36	5625/UBND-TH	29/09/2022	Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, điều hành giá trong các tháng còn lại của năm 2022 trên địa bàn tỉnh
37	5674/UBND-KT	03/10/2022	Triển khai một số giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững
38	3241/QĐ-UBND	07/10/2022	Ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh
39	260/TB-UBND	17/10/2022	Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Anh Tuấn tại cuộc họp đánh giá tình hình kinh tế - xã hội 09 tháng và triển khai nhiệm vụ quý IV năm 2022
40	6023/UBND-TH	18/10/2022	Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước
41	138/KH-UBND	19/10/2022	Triển khai Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định
42	6090/UBND-TH	21/10/2022	Triển khai kịch bản các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm các tháng cuối năm 2022
43	6146/UBND-TH	24/10/2022	Triển khai kịch bản tăng trưởng kinh tế - xã hội về các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm các tháng cuối năm 2022
44	6177/UBND-KT	24/10/2022	Triển khai thực hiện Chương trình hành động chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành Giao thông vận tải
45	6162/UBND-TH	24/10/2022	Về việc áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật và mức hỗ trợ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Miền núi
II	VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC, CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH		
1	76/2021/QĐ-UBND	14/12/2021	Ban hành Quy định các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định
2	77/2021/QĐ-UBND	15/12/2021	Ban hành Quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định
3	78/2021/QĐ-UBND	15/12/2021	Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025
4	79/2021/QĐ-UBND	16/12/2021	Quy định hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định
5	80/2021/QĐ-UBND	16/12/2021	Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định
6	81/2021/QĐ-UBND	17/12/2021	Ban hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định
7	82/2021/QĐ-UBND	20/12/2021	Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh Bình Định
8	04/2022/QĐ-UBND	14/02/2022	Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên và hệ số quy đổi một số loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bình Định
9	05/2022/QĐ-UBND	16/3/2022	Ban hành Quy định về nội dung chi, mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Bình Định

TT	Số văn bản	Ngày, tháng	Trích yếu
10	06/2022/QĐ-UBND	17/3/2022	Ban hành Quy định về nguyên tắc thành lập, quản lý, điều hành và sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm tỉnh Bình Định
11	07/2022/QĐ-UBND	18/3/2022	Quy định trình tự, thời hạn lập, xét duyệt và gửi báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ trên địa bàn tỉnh Bình Định
12	09/2022/QĐ-UBND	29/3/2022	Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh
13	10/2022/QĐ-UBND	01/4/2022	Ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định
14	15/2022/QĐ-UBND	08/4/2022	Quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 đối với các trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Bình Định
15	19/2022/QĐ-UBND	20/4/2022	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Định
16	20/2022/QĐ-UBND	22/4/2022	Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội
17	31/2022/QĐ-UBND	27/6/2022	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về đầu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định
18	34/2022/QĐ-UBND	25/7/2022	Bãi bỏ Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, quản lý và sử dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp
19	35/2022/QĐ-UBND	25/7/2022	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định
20	39/2022/QĐ-UBND	02/8/2022	Quy định chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định tham gia hội chợ, triển lãm du lịch trong nước và nước ngoài
21	40/2022/QĐ-UBND	03/8/2022	Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 –
22	42/2022/QĐ-UBND	05/8/2022	Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định
23	48/2022/QĐ-UBND	08/8/2022	Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025
24	49/2022/QĐ-UBND	10/8/2022	Quy định mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định
25	52/2022/QĐ-UBND	17/8/2022	Ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã trên địa bàn tỉnh Bình Định
26	53/2022/QĐ-UBND	19/8/2022	phân cấp lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với các dự án thành phần thuộc Dự án Xây dựng đường bộ cao tốc Bắc- Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025 đoạn qua địa bàn tỉnh
27	55/2022/QĐ-UBND	29/8/2022	Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định lộ trình 02 năm (2022-2023)
28	62/2022/QĐ-UBND	17/9/2022	Quy định mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động trên địa bàn tỉnh Bình Định
29	60/2022/QĐ-UBND	16/9/2022	Ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Bình Định
30	61/2022/QĐ-UBND	16/9/2022	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh
31	59/2022/QĐ-UBND	16/9/2022	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định đơn giá tiêu thụ nước sạch nông thôn tại các công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh Bình Định

TT	Số văn bản	Ngày, tháng	Trích yếu
32	63/2022/QĐ-UBND	19/9/2022	Bổ sung một số điều của Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định
33	64/2022/QĐ-UBND	21/9/2022	Ban hành Quy định cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025
34	65/2022/QĐ-UBND	03/10/2022	Ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Bình Định
35	67/2022/QĐ-UBND	06/10/2022	Quy định nội dung, mức chi cho Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa trên địa bàn tỉnh Bình Định

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

	Nội dung	ĐVT	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	Văn bản	45		35	77,8		
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản				-		
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	57		73	128,1		
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường	triệu đồng	9.760		16.310	167,1		
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	143.597	155.095	155.095	108,0	100,0	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng						
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		41.256	41.469	42.185	102,3	101,7	
	- Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	4.931	5.065	4.931	100,0	97,4	
	- Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	3.966	3.995	4.031	101,6	100,9	
	- Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	6.091	5.602	6.091	100,0	108,7	
	- Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	2.572	2.823	2.648	102,9	93,8	
	- Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	1.237	1.372	1.286	104,0	93,7	
	- Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	4.807	4.846	4.943	102,8	102,0	
	- Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	4.505	4.741	4.820	107,0	101,7	
	- Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	4.226	4.315	4.365	103,3	101,2	
	- Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	8.921	8.709	9.070	101,7	104,1	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng	1.345	1.345	1.451	107,9	107,9	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	1.109	1.109	1.190	107,4	107,4	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	237	237	261	110,2	110,2	
	- Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng		-				
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	13	13	30	224,8	224,8	
	- Thương thảo hợp đồng	triệu đồng	69	69	77	111,1	111,1	
+	- Các nội dung khác	triệu đồng	154	154	154	100,0	100,0	
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	45.603	45.603	54.723	120,0	120,0	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng		-				
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng		-				
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị		-				
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị		-				
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng		-				
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	426		426			
1.2	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	6		6			
1.3	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	5		5			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						

	Nội dung	ĐVT	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được	triệu đồng	73.180	73.302	76.275	104,2	104,1	
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	20.435	12.214	13.362	65,4	109,4	
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	21.817	28.647	31.788	145,7	111,0	
	- Thẩm tra phê duyệt quyết toán	triệu đồng	25.443	24.418	31.124			
	- Thực hiện đầu tư thi công	triệu đồng	5.485	8.023				
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng		-				
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²	1.973.232		1.973.232	100,0		
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²	5.018		5.018	100,0		
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²	1.006		1.006			
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng		-				
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng		-				
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m ²		-				
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m ²		-				
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng		-				
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ		-				
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng		-				
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án		-				
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng		-				
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động, cải cách hành chính trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, đào tạo, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	440	440	200	45,5	45,5	
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng		33	33	35	106,1	106,1	
	- Tiết kiệm điện	Kw/h	10.176	10.176	4.439	43,6	43,6	
	- Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)	2.325	2.325	2.325	100,0	100,0	
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	377	377	50	13,3	13,3	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng		-				
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						

	Nội dung	ĐVT	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng	577	580	412	71,4	71,03	
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được, bao gồm:	triệu đồng						
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng		-				
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng		-				
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng		-				
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng		-				
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	- Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
	- Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	- Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng		-				
	- Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng		-				
	- Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng		-				
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	11	-	11	100,0		
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc	-	-	-			
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng	-	-	-			
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	triệu đồng	-	-	-			
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng	-	-	-			
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ							
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc		-				
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng		-				
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng	3.019		3.019	100,0		
	Số cuối kỳ	triệu đồng	3.204		3.204	100,0		
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng	3.607.375		3.607.375	100,0		
	Số cuối kỳ	triệu đồng	3.610.885		3.610.885	100,0		
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	Cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	Cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền và tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						

PHỤ LỤC SỐ 06

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /02/2023 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	Tổng cộng (A+B+C+D+E)	100	97,03
A.	Công tác chỉ đạo, điều hành trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	10
I	Xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	6	6
1	Sự kịp thời trong việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	3	3
-	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	3	3
-	Sau từ 31 - 60 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	2	
-	Sau từ 61 ngày trở lên kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	1	
-	Không ban hành	0	
2	Sự phù hợp với Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	3	3
-	Đề ra mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu trong Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	3	3
-	Đề ra mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên thấp hơn chỉ tiêu trong Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	0	
II	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành về thực hành	4	4

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	tiết kiệm, chống lãng phí		
1	Có ban hành, trong đó có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	4	4
2	Có ban hành nhưng không có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	2	
3	Không ban hành	0	
B	Kết quả cụ thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	40	37,03
I	Chi các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	5	2,03
II	Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	20	20
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	15	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	20
III	Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh được sử dụng xe ô tô; để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền	5	5
	Đã thực hiện khoán	5	5
	Chưa thực hiện khoán	0	
IV	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
C	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp	30	30
I	Kết quả chấm điểm của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp	15	15
1	Trên 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	15	15
2	Từ 50%- 80 % số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	12	
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	9	
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	6	
II	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương thuộc loại hình tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và tự bảo đảm chi thường xuyên: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tỷ lệ % đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này.	15	15
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	15	15
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
D	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của ngân sách cấp huyện	10	10
1	Trên 80% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	10	10
2	Từ 50%-80% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường	8	

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	xuân đạt 80 điểm trở lên		
3	Từ 20% đến dưới 50% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuân đạt 80 điểm trở lên	6	
4	Dưới 20% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuân đạt 80 điểm trở lên	4	
E.	Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	10
I	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	5
1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	2	2
2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	3	3
II	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	5	5
1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	2	2
2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	3	3